TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2022/ HNGĐ - ST
Ngày 27 /9/2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử

Bà Trần Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô *tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Luân* - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 74/2022/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/HNGĐ - QĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phạm L L2, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh L2 (không có L do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa chị L trình bày: Chị và anh Phạm Lý L2 được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Mô ngày 16/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh L2 tại xóm T, xã Y, huyện Y. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 01 con chung, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau. Năm 2016 chị đã cho con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 9, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp sinh sống, từ đó đến nay chị và anh L2 không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị xác định tình

cảm vợ chồng giữa chị và anh L2 không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Lý L2.

Về con chung: Chị và anh L2 có một con chung là cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 23/8/2014. Hiện này cháu A đang ở cùng chị tại xã Đ, thành phố T. Khi vợ chồng ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh L2 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung và công nợ: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ L vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ L và các văn bản tố tụng cho anh L2. Anh L2 không có trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tòa án đến nhà lấy lời khai của anh L2, anh L2 đồng ý cho Tòa án lấy lời khai nhưng anh từ chối ký biên bản. Tại biên bản lấy lời khai của anh L2 có chứng kiến của xóm trưởng và mẹ anh L2 thì anh đã xác định: anh kết hôn với chị Phạm Thị L là do hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình năm 2013. Quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị L tự ý bế con về nhà bố mẹ đẻ sống từ năm 2016 đến nay. Sau khi chị L bế con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì anh L2 cũng không đến tìm chị L về mà chỉ có mẹ anh L2 nhiều lần đến động viên để chị L về chung sống cùng anh L2 nhưng chị L không về ở cùng anh. Nay chị L đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung là cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 23/8/2014. Hiện tại cháu A đang ở cùng chị L. Khi ly hôn anh L2 cũng nhất trí để chị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngọc Ah, anh không cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 31/8/2022 UBND xã Y cung cấp: Anh Phạm Lý L2, sinh năm 1988 kết hôn với chị Phạm Thị L người ở xã Đ, thành phố T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 16/8/2013. Sau khi kết hôn anh L2 chị L chung sống cùng bố mẹ anh L2 tại xóm T, xã Y. Quá trình chung sống không rõ anh L2 chị L mâu thuẫn như thế nào nhưng từ năm 2016 chị L và con không sinh sống tại địa phương cùng anh L2 nữa. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh L2 đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp.

Về con chung: anh L2 chị L có một con chung là cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 23/8/2014. Hiện nay anh L2 không có công ăn việc làm, sức khỏe yếu không có thu nhập ổn định. Chị L xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ánh và

không yêu cầu anh L2 phải cấp dưỡng nuôi con là cũng phù hợp với điều kiện hiện tại của anh L2 nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ L vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thời gian. Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh Phạm Lý L2 không chấp hành các qui định về tố tụng dân sự, không có mặt tại Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có L do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh L2.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Phạm Lý L2.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 23/8/2014 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Ánh thành niên, anh L2 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Về tài sản chung và công nợ: Chị L và anh L2 không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì bị đơn là anh Phạm Lý L2 có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã Y, huyện Y. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết vụ án là đúng qui định tại Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Lý L2 đã được Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh L2 không đến Tòa án để làm việc; Tòa án đến nhà lấy lời khai, anh L2 trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng từ chối ký biên bản. Tòa án đã tống đạt hợp lệ hai lần giấy triệu tập anh L2 đến phiên tòa nhưng anh L2 vẫn không có mặt tại phiên tòa và không có L do. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Lý L2 là phù hợp với Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Đồng, huyện Yên Mô ngày 16/8/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu

thì hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2016 chị L cho con về xã Đ, thành phố T sống cùng bố mẹ còn anh L2 sống cùng bố mẹ anh L2 tại xã Y, huyện Y và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến này cả chị L và anh L2 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do vậy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Lý L2 là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh L2 có có một con chung là cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 23/8/2014. Hiện này cháu A đang sinh sống cùng chị L. Khi vợ chồng ly hôn chị L xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ nhỏ cháu Ngọc A do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh L2 có sức khoẻ yếu, không có công việc ổn định nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L; giao cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 23/8/2014 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Ngọc A thành niên. Anh Phạm L L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị L không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật dân sự. Khoản 5 - Đều 27 - Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 - Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L. Xử

1. Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Lý L2. Quan hệ hôn nhân của chị L và anh L2 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 23/8/2014 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc; cho đến khi cháu A thành niên đủ 18 tuổi. Anh L2 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Anh L2 được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc anh L2 thăm nom chăm sóc con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2021/0006349 ngày 05/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

Án xử công khai sơ thẩm, Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- UBND xã Yên Đồng (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cử **Trần Thị Mão** **Nguyễn Thị Hoa**